

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 38

ST
CÓ
T
ST
/TỆ
HI
HÀ
KIẾ

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 3 tháng 9 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Chủ tịch	
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2020
	Thành viên	từ ngày 1 tháng 1 năm 2020
		đến ngày 4 tháng 2 năm 2020
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 9 năm 2019
Ông Hiroaki Yashiro	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Lệ Hằng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 4 tháng 9 năm 2019
Ông Nguyễn Hữu Long	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2019

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Cường	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Quyền Phó Tổng Giám đốc	
	Thường trực	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Quyền Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2019
Ông Bùi Minh Hải	Quyền Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2019
		miễn nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2019
Ông Nguyễn Như Hùng	Quyền Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2019
Bà Nguyễn Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đinh Xuân Cường, Tổng Giám đốc.

Ông Phạm Đỗ Huy Cường, Quyền Phó Tổng Giám đốc Thường trực, được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Giấy Ủy quyền số 0715.01/2019/UQ-APH ngày 15 tháng 7 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 6 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



Phạm Đỗ Huy Cường
Quyền Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 6 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61355749/21222048

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) được lập ngày 6 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 24 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã thực hiện phân loại lại một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng năm nay.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 29 tháng 3 năm 2019 với đoạn nhấn mạnh về việc Công ty chưa phân loại vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 từ khoản mục vay dài hạn sang khoản mục vay ngắn hạn với số tiền là 1.362.535.112 VND.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Phùng Mạnh Phú
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1

Nguyễn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2020-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		166.400.256.595	85.864.186.229
110	I. Tiền	4	119.526.588	6.875.527.583
111	1. Tiền		119.526.588	6.875.527.583
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	28.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	-	28.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		162.193.365.110	48.567.013.938
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	25.008.500.000	538.597.733
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		973.634.680	1.141.902.650
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	18.050.000.000	43.680.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	118.161.230.430	3.206.513.555
140	IV. Hàng tồn kho		293.114.400	1.017.680.827
141	1. Hàng tồn kho		293.114.400	1.017.680.827
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.794.250.497	1.403.963.881
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.409.753.887	178.996.518
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		384.496.610	1.224.967.363
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.379.049.262.372	2.252.817.227.660
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		17.403.341.778	17.626.890.666
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	17.403.341.778	17.626.890.666
220	II. Tài sản cố định		2.065.193.241	2.226.070.580
221	1. Tài sản cố định hữu hình		2.027.998.788	2.178.876.131
222	Nguyên giá		2.564.420.638	2.398.016.091
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(536.421.850)	(219.139.960)
227	2. Tài sản cố định vô hình		37.194.453	47.194.449
228	Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.805.547)	(12.805.551)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	9	2.331.223.511.930	2.229.706.986.168
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.251.840.704.375	1.776.445.139.862
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		71.156.907.555	423.287.680.306
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.225.900.000	29.974.166.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		28.357.215.423	3.257.280.246
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		2.717.385.423	3.257.280.246
268	2. Tài sản dài hạn khác	10	25.639.830.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.545.449.518.967	2.338.681.413.889

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		625.942.291.054	798.397.216.101
310	I. Nợ ngắn hạn		124.509.176.296	796.201.566.231
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	23.802.856.500	2.167.380.735
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		500.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		163.017.480	70.957.296
314	4. Phải trả người lao động		2.244.576.191	1.489.092.352
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	87.260.274
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	12	16.495.498.101	407.919.580.592
320	7. Vay ngắn hạn	13	81.303.228.024	384.467.294.982
330	II. Nợ dài hạn		501.433.114.758	2.195.649.870
338	1. Vay dài hạn	13	501.433.114.758	2.195.649.870
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.919.507.227.913	1.540.284.197.788
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	1.919.507.227.913	1.540.284.197.788
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		1.423.773.390.000	1.282.943.480.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.282.624.590.000	1.141.794.680.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		141.148.800.000	141.148.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		485.506.089.100	274.415.220.000
421	3. Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)		10.227.748.813	(17.074.502.212)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(17.074.502.212)	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) năm nay		27.302.251.025	(17.074.502.212)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.545.449.518.967	2.338.681.413.889


Nguyễn Thị Lan
Người lập


Hồ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường
Quyền Phó Tổng Giám đốc
Thường trực


Ngày 6 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.1	25.232.890.912	1.929.634.303
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	15.1	25.232.890.912	1.929.634.303
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	16	(12.217.885.089)	-
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		13.015.005.823	1.929.634.303
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	120.938.804.094	23.606.023.828
22	7. Chi phí tài chính	17	(45.355.423.318)	(8.960.039.080)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(45.142.993.318)	(8.631.467.625)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(50.439.213.166)	(27.053.513.122)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		38.159.173.433	(10.477.894.071)
31	10. Thu nhập khác		708.462.432	42.421.748
32	11. Chi phí khác		(669.242.154)	-
40	12. Lợi nhuận khác		39.220.278	42.421.748
50	13. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		38.198.393.711	(10.435.472.323)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	-	-
60	15. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		38.198.393.711	(10.435.472.323)


Nguyễn Thị Lan
Người lập


Hồ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường
Quyền Phó Tổng Giám đốc
Thường trực

Ngày 6 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		38.198.393.711	(10.435.472.323)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		327.281.886	200.280.440
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	15.2	(120.938.804.094)	(23.601.203.072)
06	Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	17	45.142.993.318	8.631.467.625
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(37.270.135.179)	(25.204.927.330)
09	Tăng các khoản phải thu		(16.959.295.974)	(12.156.591.602)
10	Giảm hàng tồn kho		724.566.427	65.302.377
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(599.277.624)	2.972.295.064
12	Tăng chi phí trả trước		(2.690.862.546)	(551.783.567)
14	Tiền lãi vay đã trả		(37.614.877.171)	(7.049.883.912)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(94.409.882.067)	(41.925.588.970)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(166.404.547)	(1.886.465.455)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(67.000.000.000)	(436.358.400.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		120.630.000.000	513.258.400.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(675.183.600.473)	(1.294.915.755.885)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		115.700.000.000	473.155.110.268
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		56.575.851.748	24.128.795.538
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(449.444.153.272)	(722.618.315.534)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		140.232.000.000	457.358.700.000
33	Tiền thu từ đi vay		985.010.476.541	631.999.974.782
34	Tiền trả nợ gốc vay		(577.248.299.511)	(311.233.220.559)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.896.142.686)	(8.111.202.904)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		537.098.034.344	770.014.251.319
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(6.756.000.995)	5.470.346.815
60	Tiền đầu năm		6.875.527.583	1.405.180.768
70	Tiền cuối năm	4	119.526.588	6.875.527.583

Nguyễn Thị Lan
Người lập

Hồ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Phạm Diễm Huy Cường
Quyền Phó Tổng Giám đốc
Thường trực

Ngày 6 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 3 tháng 9 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 108 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 99 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 11 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 8 công ty con) với thông tin chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty Nhựa An Phát Xanh”) (*)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	48,08	48,08	Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”) (**)	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	25,74	52,21	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa
3	Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”) (**)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	48,08	100	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
4	Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”) (**) (***)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	43,27	90	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
5	An Thanh Bicol Singapore PTE. Ltd (“Công ty An Thành Singapore”) (**)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	25,74	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...
6	Công ty Cổ phần An Thành Bicol (“Công ty An Thành”) (**)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	43,86	95,29	Kinh doanh hạt nhựa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (**)	Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	32,13	70	Vận tải hàng hóa
8	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội") (*)	Tổ 12, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Hà Nội	55,17	55,17	Sản xuất linh kiện, phụ kiện nhựa ngành ô tô, xe máy, linh kiện nhựa điện tử
9	Công ty Cổ phần An Trung Industries ("Công ty An Trung") (**)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	55,17	100	Sản xuất hạt nhựa, các sản phẩm nhựa (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không luyện cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở)
10	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM ("Công ty VIEXIM") (**)	Thôn Hào, Xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên	55,17	100	Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp xây dựng, điện tử viễn thông, ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụng; Sản xuất các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và các ngành công nghiệp khác;
11	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam ("Công ty VMC")	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	55,17	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

(*) Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Nhựa An Phát Xanh thông qua việc nắm giữ 48,08% quyền biểu quyết trong Công ty Nhựa An Phát Xanh và có 4/5 thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Nhựa An Phát Xanh đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

(**) Công ty sở hữu các công ty con này gián tiếp qua công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.

(***) Công ty An Phát Complex 1 được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cấp ngày 25 tháng 9 năm 2019 với vốn điều lệ 100 tỷ VND. Trong đó, Công ty An Phát Complex, một công ty con, cam kết góp 90 tỷ VND, chiếm 90% tổng vốn điều lệ của Công ty An Phát Complex 1. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty An Phát Complex còn phải góp 90 tỷ VND vào Công ty An Phát Complex 1.

Trong tháng 3 năm 2019, Công ty và Công ty An Thành, công ty con, đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ trong Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh") và Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường").

Ngoài ra, trong tháng 11 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 6,39% cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội, theo đó, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty này lên 55,17% và Công ty Nhựa Hà Nội trở thành công ty con của Công ty. Tại ngày mua, Công ty Nhựa Hà Nội đang nắm giữ khoản đầu tư vào 3 công ty con. Thông qua giao dịch này, Công ty cũng gián tiếp sở hữu các công ty con này của Công ty Nhựa Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 9.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 9. Cùng với báo cáo tài chính riêng này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 6 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	6 năm
Phương tiện vận tải	8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc người phát hành phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu phải được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu. Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu người phát hành không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu liên quan đến hoạt động tư vấn và các dịch vụ có liên quan khác được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và kết quả hợp đồng có thể được xác định một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

001
 Y
 QU
 AM
 NH
 DI
 T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định Công ty chỉ có một (1) bộ phận cần báo cáo là hoạt động cung cấp dịch vụ, do đó lựa chọn không trình bày thuyết minh thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	34.811.830	21.032.316
Tiền gửi ngân hàng	84.714.758	6.854.495.267
TỔNG CỘNG	119.526.588	6.875.527.583

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Số dư đầu năm bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND tại ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 7,3%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty An Cường	15.218.500.000	19.319.114
Công ty An Vinh	5.830.000.000	6.215.800
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chính xác và Chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam	3.740.000.000	-
Công ty Cổ phần Xơ sợi Tổng hợp An Sơn	220.000.000	86.550.000
Khác	-	426.512.819
TỔNG CỘNG	25.008.500.000	538.597.733
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn từ các đối tượng khác</i>	<i>21.268.500.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	<i>3.740.000.000</i>	<i>538.597.733</i>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyễn Thị Hồng Bích (i)	9.000.000.000	-
Nguyễn Cao Đại (ii)	9.000.000.000	-
Công ty An Phát Complex	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần An Phát Finance ("Công ty An Phát Finance") (tên trước đây là Công ty Cổ phần Nước giải khát Quốc tế An Duy)	-	34.580.000.000
Ông Phạm Văn Thắng	50.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG	18.050.000.000	43.680.000.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn khác</i>	<i>18.050.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	<i>-</i>	<i>43.580.000.000</i>

(i) Đây là các khoản cho bà Nguyễn Thị Hồng Bích vay theo các hợp đồng cho vay đáo hạn trong vòng 12 tháng và hưởng lãi suất 6,5%/năm. Tài sản đảm bảo của khoản cho vay này là 150.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh được nắm giữ bởi cá nhân này.

(ii) Đây là các khoản cho ông Nguyễn Cao Đại vay theo các hợp đồng cho vay đáo hạn trong vòng 12 tháng và hưởng lãi suất 6,5%/năm. Tài sản đảm bảo của khoản cho vay này là 150.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh được nắm giữ bởi cá nhân này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Đặt cọc mua cổ phần (i)	103.310.559.696	-	-	-
Lãi cho vay và lãi đặt cọc phải thu	10.492.752.523	-	271.387.534	-
Tạm ứng cho nhân viên	4.146.734.958	-	2.830.141.021	-
Phải thu khác	211.183.253	-	104.985.000	-
TỔNG CỘNG	118.161.230.430	-	3.206.513.555	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>115.572.556.727</i>	<i>-</i>	<i>678.798.718</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	<i>2.588.673.703</i>	<i>-</i>	<i>2.527.714.837</i>	<i>-</i>
Dài hạn				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (ii)	16.428.571.420	-	16.921.428.568	-
Ký quỹ, ký cược	974.770.358	-	705.462.098	-
TỔNG CỘNG	17.403.341.778	-	17.626.890.666	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	<i>17.403.341.778</i>	<i>-</i>	<i>17.626.890.666</i>	<i>-</i>

(i) Bao gồm các khoản đặt cọc cho một số cá nhân theo các thỏa thuận nhận chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Nhựa Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các hợp đồng đặt cọc này đã được thanh lý và hưởng lãi suất 6,5%/năm tính từ ngày đặt cọc. Các cá nhân sẽ trả lại tiền cọc đã nhận trong vòng từ 3 tháng đến 5 tháng từ ngày thanh lý. Các khoản phải thu này được cầm cố bằng một số cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội được nắm giữ bởi các cá nhân nhận đặt cọc này.

(ii) Đây là khoản góp vốn hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương và Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Bảo Yến để thực hiện đóng mới, vận hành, khai thác tàu du lịch Hoàng Phương QN8589. Theo điều khoản của hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty nhận được phí khai thác cố định hàng tháng sau khi tàu đi vào vận hành.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm (Phân loại lại)		Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ năm giữ thực tiếp	Dự phòng	Tỷ lệ năm giữ thực tiếp	Dự phòng	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con	2.251.840.704.375		1.776.445.139.862		
- Công ty Nhựa An Phát Xanh (ii) (iii)	1.678.241.729.280	- 1.045.281.501.000	1.640.335.455.003	- 1.173.311.958.000	
- Công ty Nhựa Hà Nội (ii) (iv)	506.263.390.236	- 855.000.000.000	-	-	
- Công ty An Thành (v)	41.500.000.000	(i)	48.000.000.000	-	(i)
- Công ty An Tín	18.401.753.425	(i)	18.401.753.425	-	(i)
- Công ty An Tiến (ii)	7.433.831.434	3.279.552.000	7.433.831.434	-	4.919.328.000
- Công ty An Vinh (vi)	-	-	60.774.100.000	-	(i)
- Công ty An Cường (vi)	-	-	1.500.000.000	-	(i)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	71.156.907.555		423.287.680.306		
- Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh (ii)	56.156.907.555	- 29.443.504.000	56.156.907.555	-	34.044.051.500
- Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt ("Công ty Navisoft") (vii)	15.000.000.000	(i)	-	-	-
- Công ty Nhựa Hà Nội (iv)	-	-	337.130.772.751	-	220.529.723.400
- Công ty TNHH Linh kiện nhựa Ô tô Vinfast – An Phát (viii)	-	-	30.000.000.000	-	(i)
Đầu tư vào đơn vị khác	8.225.900.000		29.974.166.000		
- Công ty An Vinh (vi)	5.225.900.000	(i)	-	-	-
- Công ty An Cường (vi)	1.500.000.000	(i)	-	-	-
- Công ty An Phát Finance	1.500.000.000	(i)	-	-	-
- Quyền mua cổ phiếu Công ty Nhựa Hà Nội (iv)	-	-	29.974.166.000	-	-
TỔNG CỘNG	2.331.223.511.930		2.229.706.986.168		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang trong quá trình thu thập dữ liệu cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.
- (ii) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa An Phát Xanh, Công ty Nhựa Hà Nội, Công ty An Tiến và Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh được tính dựa trên giá cổ phiếu của các công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày kết thúc năm.

Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó không trích lập dự phòng.

- (iii) Vào ngày 14 tháng 11 năm 2019, Công ty đã mua thêm 1,45% tỷ lệ lợi ích trong Công ty Nhựa An Phát Xanh với tổng giá phí là 37.906.274.277 VND, qua đó tăng tỷ lệ sở hữu trong công ty con này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lên 48,08%. Một số cổ phiếu của công ty con này đang được cầm cố cho khoản vay của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 13.
- (iv) Vào ngày 28 tháng 11 năm 2018, Công ty hoàn tất việc mua 3.229.438 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 49,68% vốn điều lệ trong Công ty Nhựa Hà Nội với tổng giá phí là 337,1 tỷ VND và Công ty Nhựa Hà Nội trở thành công ty liên kết của Công ty.

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2019, Công ty đã sử dụng 3.200.000 quyền mua cổ phần Công ty Nhựa Hà Nội (mã cổ phiếu NHH), nhận được từ việc mua 3.200.000 cổ phần trong công ty này tại ngày 27 tháng 11 năm 2018, để thực hiện mua 1.870.769 cổ phần NHH. Vào ngày 13 tháng 2 năm 2019, Công ty tiếp tục dùng 170.700 quyền mua cổ phần NHH mua được từ Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai để thực hiện mua 99.793 cổ phần NHH (1 cổ phần được hưởng 1 quyền, 65 quyền mua được 38 cổ phần mới). Tổng giá phí của hai giao dịch này là 89.091.026.000 VND. Công ty cũng đã nhận được 3.200.000 cổ phiếu thưởng NHH từ việc Công ty Nhựa Hà Nội phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu (1 người sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 1 cổ phần mới) vào ngày 28 tháng 1 năm 2019.

Sau các giao dịch này, Công ty đã nắm giữ 8.400.000 cổ phần NHH, tương đương 50% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Nhựa Hà Nội.

Trong tháng 7 năm 2019, Công ty Nhựa Hà Nội phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn người lao động – ESOP. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Nhựa Hà Nội giảm xuống 48,78%.

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2019, Công ty Nhựa Hà Nội phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, không bao gồm cổ phiếu ESOP. Theo đó, Công ty đã nắm giữ 16.800.000 cổ phần NHH.

Trong tháng 11 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 6,39% cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội với tổng giá phí là 88,13 tỷ VND, theo đó, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty này lên 55,17% và qua đó, Công ty Nhựa Hà Nội trở thành công ty con của Công ty.

Một số cổ phiếu của công ty con này đang được cầm cố cho khoản vay của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 13.

- (v) Vào ngày 26 tháng 12 năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng 650.000 cổ phần, tương đương với 4,08% tỷ lệ sở hữu, trong Công ty An Thành cho một đối tác doanh nghiệp với giá phí chuyển nhượng là 11,7 tỷ VND. Khoản lãi phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần này là 5,2 tỷ VND được trình bày ở Thuyết minh số 15.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(vi) Vào ngày 12 tháng 3 năm 2019, Công ty đã hoàn tất nhận chuyển nhượng thêm 7.650.000 cổ phần, tương ứng với 52,8% tỷ lệ lợi ích trong Công ty An Vinh từ Công ty An Thành, một công ty con của Công ty với tổng giá phí là 80 tỷ VND. Sau giao dịch này, Công ty đã nắm giữ 94,8% tỷ lệ lợi ích trong Công ty An Vinh. Sau đó, vào ngày 15 tháng 3 năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 94,8% tỷ lệ lợi ích trong Công ty An Vinh cho một đối tác doanh nghiệp với tổng giá phí chuyển nhượng là 190 tỷ VND. Khoản lãi phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần này là 49,2 tỷ VND được trình bày tại Thuyết minh số 15.2.

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2019, Công ty cũng đã hoàn thành việc góp thêm 5,2 tỷ VND vào Công ty An Vinh, qua đó nắm giữ 3,48% lợi ích trong công ty này. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty An Vinh đã tăng vốn lên 400 tỷ VND, bằng việc phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông. Công ty đã không mua thêm cổ phần của đợt tăng vốn này và theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty An Vinh giảm xuống còn 1,31%.

(vii) Vào ngày 8 tháng 4 năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc mua 1.500.000 cổ phần, tương ứng với 50% tỷ lệ lợi ích trong Công ty Navisoft, với tổng giá phí là 15 tỷ VND. Theo đó, Công ty Navisoft đã trở thành công ty liên kết của Công ty.

(viii) Trong tháng 6 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn là 104 tỷ VND vào Công ty Vinfast – An Phát. Sau đó, vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Vinfast – An Phát cho Công ty Nhựa Hà Nội, một công ty con, với giá phí 104 tỷ VND. Không có lãi/lỗ phát sinh từ giao dịch này.

10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Số cuối năm là giá trị của 4.000 chứng quyền được Công ty mua trong tháng 11 năm 2019 từ các đối tác doanh nghiệp. Đây là các chứng quyền do Công ty Nhựa An Phát Xanh (mã cổ phiếu: AAA), công ty con, đã phát hành vào tháng 11 năm 2018, có thời hạn 3 năm. Công ty sẽ được chuyển đổi từ chứng quyền sang cổ phiếu với tỷ lệ là 1 chứng quyền sẽ được quyền chuyển đổi thành 10.000 cổ phiếu AAA vào một trong bốn đợt lần lượt là 12 tháng, 18 tháng, 24 tháng và 30 tháng kể từ ngày phát hành. Giá mua một cổ phần khi thực hiện chứng quyền là 14.000 VND và được điều chỉnh để chống pha loãng.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	23.421.979.834	650.931.324
<i>Một đối tác doanh nghiệp</i>	22.947.838.500	-
<i>Khác</i>	474.141.334	650.931.324
Phải trả bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 21)	380.876.666	1.516.449.411
TỔNG CỘNG	23.802.856.500	2.167.380.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhận đặt cọc chuyển nhượng khoản đầu tư từ	5.209.978.000	403.599.978.000
<i>Một đối tác doanh nghiệp (i)</i>	<i>5.209.978.000</i>	<i>366.599.978.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp ANI (ii)</i>	<i>-</i>	<i>37.000.000.000</i>
Lãi vay phải trả	9.749.976.037	2.134.599.616
Cổ tức phải trả	1.508.165.260	1.508.165.260
Phải trả ngắn hạn khác	27.378.804	676.837.716
TỔNG CỘNG	<u>16.495.498.101</u>	<u>407.919.580.592</u>

Trong đó:

<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	<i>7.531.080.146</i>	<i>2.134.599.616</i>
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	<i>8.964.417.955</i>	<i>405.784.980.976</i>

- (i) Số đầu năm là khoản đặt cọc từ một đối tác doanh nghiệp theo Hợp đồng đặt cọc số 0111/2018/HĐĐC để nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty An Vinh do Công ty nắm giữ. Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 13.727.410 cổ phần nắm giữ trong Công ty An Vinh cho đối tác doanh nghiệp này với giá phí là 190 tỷ VND như trình bày tại Thuyết minh số 9. Công ty đồng thời cũng đã chuyển trả 171,39 tỷ VND tiền đặt cọc cho đối tác doanh nghiệp này. Theo đó, số dư cuối năm là khoản công nợ còn phải trả đối tác doanh nghiệp này sau khi thực hiện bù trừ công nợ từ các giao dịch trên.
- (ii) Khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 2018/HĐĐC giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây lắp ANI, theo đó Công ty Cổ phần Xây lắp ANI đặt cọc 37 tỷ VND để mua 4.800.000 cổ phần Công ty An Thành do Công ty nắm giữ. Trong năm, Công ty đã chuyển trả 37 tỷ VND tiền đặt cọc cho Công ty Cổ phần Xây lắp ANI.



Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VAY

	Số đầu năm (*)		Phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn								
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 13.1)	60.834.186.400	60.834.186.400	363.233.687.377	(375.784.000.825)	48.283.872.952	48.283.872.952	48.283.872.952	
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 13.2)	1.770.360.171	1.770.360.171	41.782.839.714	(17.533.844.813)	26.019.355.072	26.019.355.072	26.019.355.072	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21)	321.862.748.411	321.862.748.411	280.294.030.689	(595.156.779.100)	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	
Trái phiếu phát hành	-	-	237.000.000.000	(237.000.000.000)	-	-	-	
TỔNG CỘNG	384.467.294.982	384.467.294.982	922.310.557.780	(1.225.474.624.738)	81.303.228.024	81.303.228.024	81.303.228.024	
Vay dài hạn								
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 13.4)	-	-	422.200.000.000	(141.600.000.000)	280.600.000.000	280.600.000.000	280.600.000.000	
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 13.3)	1.060.327.870	1.060.327.870	24.900	(227.238.012)	833.114.758	833.114.758	833.114.758	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 19)	1.135.322.000	1.135.322.000	30.000.000.000	(1.135.322.000)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 13.5)	-	-	190.000.000.000	-	190.000.000.000	190.000.000.000	190.000.000.000	
TỔNG CỘNG	2.195.649.870	2.195.649.870	642.200.024.900	(142.962.560.012)	501.433.114.758	501.433.114.758	501.433.114.758	

(*) Số dư vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm khoản vay dài hạn với số tiền là 1.362.535.112 VND sẽ đến hạn thanh toán trong năm 2019, tuy nhiên, Công ty chưa phân loại khoản vay này sang khoản mục vay dài hạn đến hạn trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VAY (tiếp theo)

13.1 Vay đối tượng khác ngắn hạn

Số dư cuối năm bao gồm các khoản vay margin từ các công ty chứng khoán theo các Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán đáo hạn từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2020, với lãi suất từ 9,5% đến 11%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là danh mục một số cổ phiếu của một số công ty con, bao gồm 4.499.490 cổ phiếu AAA và 700.000 cổ phiếu NHH.

13.2 Vay ngân hàng ngắn hạn

Số dư cuối năm bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo các Hợp đồng vay vốn đáo hạn từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2020, với lãi suất từ 7,5% đến 8%/năm. Trong đó, tài sản đảm bảo cho các khoản vay là số chứng chỉ tiền gửi ngân hàng của một công ty con với tổng giá trị 25,8 tỷ VND, khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo.

13.3 Vay ngân hàng dài hạn

Số dư cuối năm bao gồm một khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn lần cuối vào tháng 7 năm 2023, với lãi suất 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là 3 xe ô tô.

13.4 Vay đối tượng khác dài hạn

Số dư cuối năm bao gồm các khoản vay dài hạn không có tài sản đảm bảo từ các đối tác doanh nghiệp theo các Hợp đồng vay vốn đáo hạn từ tháng 2 đến tháng 11 năm 2020, với lãi suất 8,5%/năm.

13.5 Trái phiếu phát hành

Số dư cuối năm bao gồm 1.900 trái phiếu phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND không có tài sản đảm bảo cho một đối tác doanh nghiệp theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu đáo hạn vào tháng 6 năm 2022, với lãi suất 8%/năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước				Tổng cộng
Số đầu năm	1.100.000.000.000	-	2.980.338.275	1.102.980.338.275
- Tăng vốn trong năm	182.943.480.000	274.415.220.000	-	457.358.700.000
- Lỗ thuần trong năm	-	-	(10.435.472.323)	(10.435.472.323)
- Chia cổ tức cho cổ đông năm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(9.619.368.164)	(9.619.368.164)
Số cuối năm	1.282.943.480.000	274.415.220.000	(17.074.502.212)	1.540.284.197.788
Năm nay				
Số đầu năm	1.282.943.480.000	274.415.220.000	(17.074.502.212)	1.540.284.197.788
- Tăng vốn trong năm (i)	140.829.910.000	211.090.869.100	-	351.920.779.100
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	38.198.393.711	38.198.393.711
- Chia cổ tức cho cổ đông năm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(10.896.142.686)	(10.896.142.686)
Số cuối năm	1.423.773.390.000	485.506.089.100	10.227.748.813	1.919.507.227.913

(i) Vào ngày 9 tháng 1 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 0109/2019/NQ-APH về việc chào bán riêng lẻ 8.467.551 cổ phần cho cá nhân Bà Nguyễn Thị Tiên với giá phát hành là 25.000 VND/cổ phần để bù trừ với nghĩa vụ phải trả khoản đi vay từ cá nhân này. Việc chào bán cổ phần này làm tăng vốn cổ phần của Công ty thêm 85 tỷ VND và thặng dư vốn cổ phần thêm 127 tỷ VND.

Sau đó, vào ngày 20 tháng 6 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 0620/2019/NQ-APH về việc chào bán riêng lẻ 2.500.000 cổ phần cho cá nhân Bà Nguyễn Thị Tiên và giá phát hành là 25.000 VND/cổ phần. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Bà Nguyễn Thị Tiên đã thực hiện mua 2.415.440 cổ phần trên tổng số 2.500.000 cổ phần được chào bán đợt này, qua đó, làm tăng vốn cổ phần của Công ty thêm 24 tỷ VND và thặng dư vốn cổ phần thêm 36 tỷ VND.

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 150801/2019/NQ-ĐHĐCĐ về việc chào bán riêng lẻ 1.600.000 cổ phần cho cá nhân ông Nguyễn Văn Bình, và cá nhân bà Đỗ Kim Anh số lượng 1.600.000 cổ phần với giá phát hành là 25.000 VND/cổ phần. Việc chào bán cổ phần này làm tăng vốn cổ phần của Công ty thêm 32 tỷ VND và thặng dư vốn cổ phần thêm 48 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng cộng	Cổ phần phổ thông	Cổ phần ưu đãi	Tổng cộng	Cổ phần phổ thông	Cổ phần ưu đãi
Công ty TNHH IGG USA Việt Nam	52.000.000	52.000.000	-	-	-	-
Nguyễn Thị Tiên	29.932.991	29.932.991	-	10.000.000	10.000.000	-
KB Securities Co., Ltd. (*)	14.114.880	-	14.114.880	14.114.880	-	14.114.880
Các cổ đông khác	46.329.468	46.329.468	-	104.179.468	104.179.468	-
TỔNG CỘNG	142.377.339	128.262.459	14.114.880	128.294.348	114.179.468	14.114.880

(*) Theo Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi ngày 31 tháng 1 năm 2018, Công ty TNHH Chứng khoán KB ("KB") đã mua 14.114.880 cổ phần ưu đãi có tức với tổng số tiền là 352.872.000.000 VND, trong đó số tiền 141.148.800.000 VND đã được ghi nhận vào vốn cổ phần đã góp theo mệnh giá cổ phiếu ưu đãi và phần còn lại với số tiền là 211.723.200.000 VND đã được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Cổ phần ưu đãi có tức này có mức cổ tức phải trả tương đương với 3%/năm của giá phát hành ban đầu. Cổ phần ưu đãi có tức có quyền hoàn đổi sang cổ phần phổ thông của Công ty theo quyền chọn của KB bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian (i) bắt đầu từ ngày đầu tiên của kỳ hạn ba mươi (30) tháng kể từ ngày phát hành hoặc vào ngày kết thúc một đợt phát hành cổ phần phổ thông lần đầu ra công chúng (IPO), tùy theo thời điểm nào đến sớm hơn, và (ii) ngày cuối cùng của thời hạn năm (5) năm kể từ ngày phát hành và một số quyền chọn khác của KB được quy định trong Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi và Hợp đồng quyền chọn ngày 31 tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
Cổ tức đã chia cho cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi	10.896.142.686	9.619.368.164

14.4 Cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phần đăng ký phát hành				
Cổ phần phổ thông	128.262.459	1.282.624.590.000	114.179.468	1.141.794.680.000
Cổ phần ưu đãi	14.114.880	141.148.800.000	14.114.880	141.148.800.000
Cổ phần đã bán ra công chúng				
Cổ phần phổ thông	128.262.459	1.282.624.590.000	114.179.468	1.141.794.680.000
Cổ phần ưu đãi	14.114.880	141.148.800.000	14.114.880	141.148.800.000
Cổ phần đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	128.262.459	1.282.624.590.000	114.179.468	1.141.794.680.000
Cổ phần ưu đãi	14.114.880	141.148.800.000	14.114.880	141.148.800.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.000 VND/cổ phần).

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp từ cung cấp dịch vụ	25.232.890.912	1.929.634.303
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	25.232.890.912	1.929.634.303
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	21.832.890.912	1.929.634.303
Doanh thu đối với bên liên quan	3.400.000.000	-

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư (Thuyết minh số 9)	54.425.900.000	998.200.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	48.871.424.285	13.610.613.232
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	15.663.740.957	7.345.330.429
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.977.738.852	1.651.880.167
TỔNG CỘNG	120.938.804.094	23.606.023.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.217.885.089	-
TỔNG CỘNG	12.217.885.089	-

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	45.142.993.318	8.631.467.625
Chi phí tài chính khác	212.430.000	328.571.455
TỔNG CỘNG	45.355.423.318	8.960.039.080

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên quản lý	24.358.814.926	13.288.213.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.082.257.167	7.897.684.828
Chi phí khấu hao và hao mòn	327.281.886	200.280.440
Chi phí nguyên vật liệu	-	621.490.021
Chi phí bằng tiền khác	13.670.859.187	5.045.844.495
TỔNG CỘNG	50.439.213.166	27.053.513.122

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	36.576.700.015	13.288.213.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.082.257.167	7.897.684.828
Chi phí nguyên vật liệu	-	621.490.021
Chi phí khấu hao và hao mòn	327.281.886	200.280.440
Chi phí bằng tiền khác	13.670.859.187	5.045.844.495
TỔNG CỘNG	50.439.213.166	27.053.513.122

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.198.393.711	(10.435.472.323)
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	7.639.678.742	(2.087.094.465)
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ	220.480.684	125.562.393
Chi phí lãi vay không được trừ thuế	5.683.420.718	1.726.293.525
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(10.169.832.627)	(3.051.534.529)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận liên quan đến khoản lỗ thuế	-	3.286.773.076
Chuyển lỗ năm trước	(3.373.747.517)	-
Chi phí thuế TNDN	-	-

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

20.3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
		<i>Lỗ tính thuế (*)</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2019</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2019</i>
2017	2022	758.181.935	(758.181.935)	-	-
2018	2023	16.433.865.374	(16.110.555.649)	-	323.309.725
TỔNG CỘNG		17.192.047.309	(16.868.737.584)	-	323.309.725

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Đi vay	7.000.000.000	59.150.000.000
		Trả gốc vay	38.050.000.000	28.100.000.000
		Cho vay	-	335.228.400.000
		Nhận gốc vay	-	335.228.400.000
		Cổ tức	39.908.570.000	12.718.911.884
		Lãi cho vay	-	3.200.526.234
Công ty An Thành	Công ty con	Chi phí lãi vay	4.737.538.572	673.745.507
		Nhận chuyển nhượng vốn	80.000.000.000	-
		Thanh toán chuyển nhượng vốn	80.000.000.000	-
		Đi vay	239.700.000.000	45.418.000.000
		Trả gốc vay	254.118.000.000	-
		Cổ tức	3.120.000.000	-
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	3.000.000.000	9.000.000.000
		Nhận gốc vay	12.000.000.000	-
		Đi vay	40.000.000.000	-
		Trả gốc vay	40.000.000.000	-
		Chi phí lãi vay	1.751.013.698	-
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Nhận đặt cọc bán khoản đầu tư	104.000.000.000	-
		Đi vay	16.300.000.000	-
		Trả gốc vay	51.300.000.000	-
		Chi phí lãi vay	6.441.191.781	-
		Lãi vay đã trả	1.912.739.726	-
		Cổ tức	8.400.000.000	-
Công ty Navisoft	Công ty liên kết	Đi vay	6.000.000.000	-
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	5.318.898.972	3.382.179.492
		Hoàn ứng	4.804.130.763	3.233.392.953
		Đi vay	-	5.981.980.000
		Trả gốc vay	1.135.322.000	4.846.658.000
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	24.455.141.000	2.673.499.050
		Hoàn ứng	24.730.891.814	1.051.953.968
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Lãnh đạo chủ chốt	Chuyển đổi khoản vay thành vốn góp	211.688.779.100	-
		Nhận góp vốn trong năm	60.386.000.000	-
		Đi vay	1.294.030.689	210.394.748.411
Ông Nguyễn Văn Bình	Cổ đồng	Nhận góp vốn trong năm	40.000.000.000	-
Bà Đỗ Kim Anh	Cổ đồng	Nhận góp vốn trong năm	40.000.000.000	-
Công ty VMC	Công ty con	Doanh thu tư vấn	3.400.000.000	-
Công ty An Tín	Công ty con	Cổ tức	3.325.000.000	-
Công ty Nhựa bao bì Vinh	Công ty liên kết	Cổ tức	2.208.262.800	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ, cho vay và đi vay với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay, đặt cọc và đi vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả, cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</i>				
Công ty An Thành	Công ty con		-	163.802.270
Công ty VMC	Công ty con		3.740.000.000	-
Các khoản phải thu bên liên quan khác	Các bên liên quan khác		-	288.245.463
			3.740.000.000	452.047.733
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	-	9.000.000.000
Công ty An Phát Finance	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt (đến ngày 23 tháng 7 năm 2019)	Cho vay	-	34.580.000.000
			-	43.580.000.000
<i>Phải thu khác (Thuyết minh số 8)</i>				
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	1.399.831.648	1.675.582.462
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	1.153.842.055	639.073.846
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Các bên liên quan khác	Tạm ứng	35.000.000	213.058.529
			2.588.673.703	2.527.714.837
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)</i>				
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty con		357.000.000	1.510.000.000
Công ty An Thành	Công ty con		23.876.666	6.449.411
			380.876.666	1.516.449.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 12)				
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Lãi vay	4.528.452.055	-
Công ty An Thành	Công ty con	Lãi vay	2.760.655.489	673.745.507
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	Các bên liên quan khác	Lãi vay	241.972.602	1.460.854.109
			7.531.080.146	2.134.599.616
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 13) (*)				
Công ty An Thành	Công ty con	Vay ngắn hạn	1.000.000.000	45.418.000.000
Công ty Navisoft	Công ty liên kết	Vay ngắn hạn	6.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Lãnh đạo chủ chốt	Vay ngắn hạn	-	210.394.748.411
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	35.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	31.050.000.000
			7.000.000.000	321.862.748.411
Vay dài hạn (Thuyết minh số 13) (*)				
Công ty An Thành	Công ty con	Vay dài hạn	30.000.000.000	-
Ông Đinh Xuân Cường	Tổng Giám đốc	Vay dài hạn	-	1.135.322.000
			30.000.000.000	1.135.322.000

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn các bên liên quan:

<i>Công ty</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Vay ngắn hạn				
	<i>VND</i>			
Công ty An Thành	1.000.000.000	Tháng 2 năm 2020	6,5%	Tín chấp
Công ty Navisoft	6.000.000.000	Tháng 3 năm 2020	8%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	7.000.000.000			
Vay dài hạn				
Công ty An Thành	30.000.000.000	Tháng 12 năm 2021	11%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	30.000.000.000			

11802
 CÔNG TY
 TNHH
 T & Y
 VIỆT N
 H NH
 HÀ N
 KIỂM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng thu nhập	3.937.392.676	1.343.116.770
TỔNG CỘNG	3.937.392.676	1.343.116.770

22. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty đã ký kết một số hợp đồng thuê hoạt động gồm văn phòng và ô tô. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số tiền cam kết thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động ước tính như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	4.708.196.032	1.061.847.220
TỔNG CỘNG	4.708.196.032	1.061.847.220

Cam kết khác

Như đã đề cập tại thuyết minh số 7, theo điều khoản của Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần thương mại và Du lịch Hoàng Phương và Công ty Cổ phần Du lịch quốc tế Bảo Yến, phí khai thác cố định hàng tháng mà Công ty nhận được vào khoảng 205 triệu đồng.

Công ty đã thế chấp 31.000.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ 18,11% vốn điều lệ hiện tại của Công ty Nhựa An Phát Xanh, công ty con, được nắm giữ bởi Công ty cho các khoản trái phiếu phát hành bởi Công ty Nhựa An Phát Xanh cho Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam, Tập đoàn Shinhan Investment và Ngân hàng KeB Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>KHOẢN MỤC</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại		
Won Hàn Quốc (KRW)	239.000	-
Yên Nhật (JPY)	81.000	-
Dirham (DIR)	1.690	-

24. PHÂN LOẠI LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NĂM TRƯỚC

Trong năm 2019, Công ty đã phân loại lại một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng năm nay (việc phân loại lại này không làm thay đổi báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được trình bày trước đây). Chi tiết như sau:

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Được trình bày trước đây</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <i>Trình bày lại</i>
Bảng cân đối kế toán riêng				
251	Đầu tư vào công ty con	1.640.335.455.003	136.109.684.859	1.776.445.139.862
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	532.061.780.306	(108.774.100.000)	423.287.680.306
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	57.309.750.859	(27.335.584.859)	29.974.166.000
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng				
11	Tăng các khoản phải trả	406.572.273.064	(403.599.978.000)	2.972.295.064
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/ (được sử dụng vào) hoạt động kinh doanh	361.674.389.030	(403.599.978.000)	(41.925.588.970)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	69.555.132.268	403.599.978.000	473.155.110.268
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(1.126.218.293.534)	403.599.978.000	(722.618.315.534)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Ngày 9 tháng 1 năm 2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi công văn số 265/UBCK-GSDC chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty. Theo đó, Công ty trở thành công ty đại chúng từ ngày 9 tháng 1 năm 2020.

Ngày 10 tháng 2 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 100201/2020/NQ – HĐQT về việc chuyển nhượng toàn bộ 4.150.000 cổ phần, tương đương 26,04% vốn điều lệ, của Công ty An Thành, một công ty con của Công ty, cho Công ty Nhựa An Phát Xanh.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Thị Lan
Người lập



Hồ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường
Quyền Phó Tổng Giám đốc
Thường trực

Ngày 6 tháng 3 năm 2020

